

Số 01 /ĐHĐCĐ-TCT

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Sông Đà – CTCP ngày 09 tháng 6 năm 2023 đã được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với số phiếu tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện ủy quyền có mặt tham dự Đại hội.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các nội dung chính như sau:

a. *Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022:*

❖ Công ty mẹ TCT:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	850	1.177	138	4.495
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	930	1.093	118	4.411
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	30	31	103	192
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.415
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.221

❖ Tổ hợp Sông Đà:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.100	7.307	103	10.626

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			ĐHĐCĐ thông qua			
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.830	6.966	102	9.304
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	480	677	141	838
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	418	935	224	2.176
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	351	769	219	1.817

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	500	45
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429
6	Dự kiến tỷ lệ cổ tức	%		10

Điều 2. Thông qua phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2023-2028 của TCT Sông Đà và giao cho Hội đồng quản trị TCT phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2023-2028 làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán như sau:

Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+	Tổng tài sản:	13.220.006.468.707, đồng
	Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.553.133.970.169, đồng
	Tài sản dài hạn	7.666.872.498.538, đồng
+	Tổng nguồn vốn:	13.220.006.468.707, đồng
	Trong đó: Nợ phải trả	7.488.110.747.330, đồng
	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.731.895.721.377, đồng
+	Tổng doanh thu	4.411.097.679.571, đồng

- + Lợi nhuận trước thuế 1.414.526.135.994, đồng
- + Lợi nhuận sau thuế 1.220.630.257.464, đồng

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	1.220.630.257.464
2	Phương án phân phối lợi nhuận	1.220.630.257.464
3	Trích lập các quỹ	546.000.375.000
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển	530.000.000.000
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	15.276.000.000
-	Trích 3 tháng lương theo quy định	7.638.000.000
-	Trích bổ sung 3 tháng lương do lợi nhuận vượt kế hoạch	7.638.000.000
c	Trích quỹ thưởng người quản lý	724.375.000
-	Trích 1,5 tháng lương theo quy định	724.375.000
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ năm 2022 (=2-3)	674.629.882.464
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021	5.426.990.800
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (4+5)	680.056.873.264
7	Chia cổ tức bằng tiền	449.537.112.000
8	Tỷ lệ cổ tức	10%
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (6-7)	230.519.761.264

Điều 6. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT và thù lao BKS Tổng công ty Sông Đà năm 2022; kế hoạch thù lao HĐQT và thù lao BKS năm 2023 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT TCT chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết toán thù lao của HĐQT, thù lao của BKS năm 2022; kế hoạch thù lao của HĐQT và thù lao của BKS năm 2023 đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong 03 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

Điều 9. Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028, như sau:

9.1. Hội đồng quản trị, gồm 05 thành viên:

1. Trần Văn Tuấn
2. Trần Anh Đức
3. Đặng Quốc Bảo
4. Nguyễn Anh Tùng
5. Nguyễn Tiến Dũng

9.2. Ban kiểm soát, gồm 03 thành viên:

1. Nguyễn Văn Thắng
2. Tống Quang Vinh
3. Hà Tuấn Linh

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Giao Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Nghị quyết này gồm 04 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/6/2023.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- SCIC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Các PTGD;
- Các Ban TCT;
- Lưu VP TCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Hồ Văn Dũng

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2023

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

A. Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Mã số doanh nghiệp: 0100105870.

B. Thời gian bắt đầu phiên họp: 09 giờ 00 phút ngày 09/6/2023.

C. Địa điểm: Hội trường tầng 1, Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

D. Thành phần tham dự:

- Các đại biểu khách mời: Đại diện SCIC:
 - + Ông Đinh Việt Tùng – Phó Tổng giám đốc SCIC
 - + Ông Nguyễn Anh Tùng – Trưởng Ban Đầu tư 2
 - + Ông Nguyễn Tiến Dũng – Phó Ban TCKT
 - + Bà Kiều Bích Hoa – Phó Ban Đầu tư 2
- Các Cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu tại Đại hội như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Hồ Văn Dũng : Chủ tịch HĐQT TCT - Chủ tọa
- Ông Trần Văn Tuấn : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT
- Ông Phạm Văn Quân : Thành viên HĐQT TCT

2. Ban Thư ký được Chủ tọa Đại hội chỉ định như sau:

- Bà Nguyễn Hồng Vân - Tổ trưởng Tổ thư ký HĐQT - Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Việt Lương – Chuyên viên Ban TCKT - Tổ viên;

3. Ban kiểm phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

- Ông Trần Đức Tân - Giám đốc Ban Pháp chế - Trưởng ban



- Ông Nguyễn Văn Hiếu - Phó GD Ban CLĐT - Thành viên
- Ông Trần Đức Tân – Giám đốc Ban TCNS – Thành viên
- Ông Nguyễn Sơn Hải – Chuyên viên Ban KTPC&QTRR
- Ông Nguyễn Sỹ Nhuận – Chuyên viên văn phòng

F. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Ông Phạm Đức Trọng báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP là **219** cổ đông đại diện cho **449.537.112** phiếu biểu quyết tương đương tổng số cổ phần sở hữu là **449.537.112** cổ phần, tương ứng 100% vốn điều lệ (theo danh sách chốt ngày 10/5/2023).
- Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội tại thời điểm khai mạc (9h00 phút) là 30 cổ đông đại diện cho 448.726.112 phiếu biểu quyết tương đương 448.726.112 cổ phần, đạt 99,82% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

G. Nội dung phiên họp:

1. Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
3. Quy chế tổ chức đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
4. Quy chế đề cử, ứng cử và bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát TCT Sông Đà nhiệm kỳ 2023-2028 đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
5. Đại hội nghe Ông Phạm Văn Quán – Thành viên HĐQT Tổng công ty trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động của Tổng công ty giai đoạn 2018-2023 và định hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2028.
6. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Văn Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát TCT trình bày báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023 và Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
7. Đại hội đã nghe Ông Trần Văn Tuấn – Thành viên HĐQT TCT, Tổng giám đốc TCT trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Tờ trình thông qua quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023.

8. Thảo luận tại Đại hội: Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các báo cáo và tờ trình mà Đoàn Chủ tịch đã trình bày tại đại hội.
9. Các cổ đông thực hiện bỏ phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo và tờ trình đã được Đoàn Chủ tịch trình bày.
10. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028.
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế bầu cử với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
 - Đại hội đã nghe Ông Trần Đức Tân - Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo Danh sách ứng cử, đề cử bầu vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028.
 - Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua danh sách nhân sự tham gia HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 với 05 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
- * Tổ chức bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028: Đại hội đã được Ban kiểm phiếu hướng dẫn chi tiết cách thức ghi phiếu bầu cử và bỏ phiếu bầu để thực hiện bầu cử.

H. Các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông:

Tại thời điểm bỏ phiếu: Tổng số cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 30 cổ đông đại diện cho 448.726.112 phiếu biểu quyết tương đương 448.726.112 cổ phần, chiếm 99,82% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.

Sau khi xem xét các Tờ trình, Báo cáo và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP đã nhất trí thông qua với một số các nội dung:

1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các nội dung chính như sau:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022:

❖ Công ty mẹ TCT:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			ĐHĐCĐ thông qua			
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTK H	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	850	1.177	138	4.495
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	930	1.093	118	4.411
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	30	31	103	192
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.415

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.221

❖ Tổ hợp Sông Đà:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.100	7.307	103	10.626
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.830	6.966	102	9.304
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	480	677	141	838
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	418	935	224	2.176
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	351	769	219	1.817

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	500	45
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429
6	Dự kiến tỷ lệ cổ tức	%		10

c. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

2. Báo cáo kết quả hoạt động của Tổng công ty giai đoạn 2018-2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2028.

❖ Thông qua phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2023-2028 của TCT Sông Đà và giao cho Hội đồng quản trị TCT phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà giai đoạn 2023-2028 làm cơ sở triển khai thực hiện.

❖ Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Tổng công ty giai đoạn 2018-2023 và định hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2028 với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

3. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát.

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua động báo cáo kết quả hoạt năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

4. Thông qua báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

a. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+	Tổng tài sản:	13.220.006.468.707, đồng
	Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.553.133.970.169, đồng
	Tài sản dài hạn	7.666.872.498.538, đồng
+	Tổng nguồn vốn:	13.220.006.468.707, đồng
	Trong đó: Nợ phải trả	7.488.110.747.330, đồng
	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.731.895.721.377, đồng
+	Tổng doanh thu	4.411.097.679.571, đồng
+	Lợi nhuận trước thuế	1.414.526.135.994, đồng
+	Lợi nhuận sau thuế	1.220.630.257.464, đồng

b. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

a) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	1.220.630.257.464
2	Phương án phân phối lợi nhuận	1.220.630.257.464
3	Trích lập các quỹ	546.000.375.000
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển	530.000.000.000
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	15.276.000.000
-	Trích 3 tháng lương theo quy định	7.638.000.000
-	Trích bổ sung 3 tháng lương do lợi nhuận vượt kế hoạch	7.638.000.000
c	Trích quỹ thưởng người quản lý	724.375.000
-	Trích 1,5 tháng lương theo quy định	724.375.000
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ năm 2022 (=2-3)	674.629.882.464
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021	5.426.990.800
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (4+5)	680.056.873.264
7	Chia cổ tức bằng tiền	449.537.112.000
8	Tỷ lệ cổ tức	10%
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (6-7)	230.519.761.264

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

6. Thông qua quyết toán thù lao năm 2022 BKS Tổng công ty Sông Đà và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

a) Ủy quyền cho HĐQT TCT chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết toán thù lao của HĐQT, thù lao của BKS năm 2022; kế hoạch thù lao của HĐQT và thù lao của BKS năm 2023 đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày

01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Kết luận: Đại hội thông qua thông qua quyết toán tiền lương, thù lao năm 2022 BKS Tổng công ty Sông Đà và kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

a) Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong 03 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 19 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.512 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Kết luận: Đại hội thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 với tỉ lệ 99,99% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

8. Thống nhất bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:

8.1 Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, danh sách trúng cử (xếp theo số phiếu bầu cử từ cao xuống thấp).

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu
1	Ông Trần Văn Tuấn	448.926.312
2	Ông Trần Anh Đức	448.689.362
3	Ông Đặng Quốc Bảo	448.670.962
4	Ông Nguyễn Anh Tùng	448.663.512
5	Ông Nguyễn Tiến Dũng	448.660.912

8.2 Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, danh sách trúng cử (xếp theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp).

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu
1	Ông Nguyễn Văn Thắng	448.818.612
2	Ông Hà Tuấn Linh	448.677.412
3	Ông Tống Quang Vinh	448.670.612

9. Đại hội đã nhất trí thông qua Biên bản đại hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP với tỉ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỉ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được lập thành văn bản, công bố toàn văn trên website của Tổng công ty Sông Đà – CTCP (www.songda.vn) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

1. Bà Nguyễn Hồng Vân:.....

2. Ông Nguyễn Việt Lương.....



Hồ Văn Dũng

Số: 01 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về hoạt động của HĐQT năm 2022, kết quả thực hiện
SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Sông Đà-CTCP (Tổng công ty) theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, HĐQT Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2022; Kết quả thực hiện SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

I. Cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị TCT Sông Đà có 05 thành viên hoạt động chuyên trách, trong đó có 01 chủ tịch và 04 thành viên HĐQT gồm:

- Ông Hồ Văn Dũng – Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Văn Tuấn – Thành viên HĐQT kiêm TGD TCT
- Ông Nguyễn Văn Tùng – Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Văn Quân – Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Quốc Bảo – Thành viên HĐQT

II. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2022:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 24/6/2022.
2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 bao gồm:
 - a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý và ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ: 04 phiên
 - Số phiên họp để giải quyết các hoạt động SXKD: 10 phiên
 - Số nghị quyết/quyết định ban hành: 91
- b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 bao gồm:
- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2022
 - Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
 - Chỉ đạo tổ chức công tác đấu thầu, toàn Tổng công ty đã trúng thầu các công trình với giá trị khoảng 7.300 tỷ đồng.
 - Chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thi công các dự án trọng điểm đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả dự án
 - Giám sát chỉ đạo việc thu hồi công nợ, cơ cấu nợ.
 - Chỉ đạo thực hiện công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị
 - Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của Công ty, thỏa ước lao động tập thể;
 - Chỉ đạo và giám sát các nội dung khác liên quan đến trách nhiệm của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

3. Kết quả thực hiện SXKD năm 2022: Chi tiết tại Mục B dưới đây

III. Công tác quản trị Công ty

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm qua HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ, công bố thông tin theo quy định; thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn, trách nhiệm của mình. Duy trì thường xuyên các phiên họp định kỳ và các phiên họp khác theo yêu cầu. Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc điều hành nhằm có sự thống nhất chung phương thức lãnh đạo, công tác tổ chức cán bộ, công tác sản xuất kinh doanh... để các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.

Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật về quản trị công ty đại chúng cũng như các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng quản trị của bộ máy quản lý nhà nước.

B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022.

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2022, trong điều kiện Chính phủ, các bộ, ngành và các địa phương đã chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đề ra nhằm phục hồi, phát triển kinh tế sau đại dịch Covid 19; kết quả là tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước xu hướng phục hồi rất tích cực trên mọi lĩnh vực. Đây làm yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp nói chung và Tổng công ty phục hồi, phát triển hoạt động SXKD.

Được sự chỉ đạo sát sao, hiệu quả của Đảng ủy khối DNTW, SCIC, Tổng công ty đã tập trung bám sát mục tiêu, nhiệm kế hoạch năm đề ra, tìm mọi giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh hoạt động SXKD; do đó kết quả thực hiện năm 2022 của Tổng công ty hoàn thành xuất sắc, toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra; cụ thể:

1. Về thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

1.1. Công ty mẹ TCT:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	850	1.177	138	4.495
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	930	1.093	118	4.411
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	30	31	103	192
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.415
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.221

1.2. Tổ hợp Sông Đà:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.100	7.307	103	10.626
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.830	6.966	102	9.304
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	480	677	141	838
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	418	935	224	2.176
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	351	769	219	1.817

2. Đánh giá chung:

- Năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu đã được ĐHCĐ thông qua, trong đó lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp đạt 219%KHN, đặc biệt Tổng công ty đã thoái vốn thành công khoản đầu tư tại Công ty cổ phần ĐTPĐ đô thị và KCN Sông Đà (Sudico) ở thời điểm hợp lý đã đem lại hiệu quả lớn cho Tổng công ty, lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp đạt 517%KHN.
- Hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp theo kế hoạch đã đề ra.
- Công tác thi công xây lắp các công trình trọng điểm: Cơ bản hoàn thành mục tiêu tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình/dự án thi công theo kế hoạch đề ra.
- Công tác quản lý, vận hành các nhà máy điện an toàn và sử dụng tối ưu nguồn nước để phát điện; trong năm 2022 hầu hết các nhà máy điện của Tổng công ty đều đạt và vượt kế hoạch sản lượng đề ra.
- Tình hình tài chính của Công ty mẹ - TCT đã có bước phát triển vượt bậc, các chỉ số thanh toán khoản nợ đến hạn, hệ số nợ đảm bảo theo quy định; Công tác thu xếp vốn đáp ứng được yêu cầu SXKD; Hoàn thành nộp số tiền 487,3 tỷ đồng cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; Hoàn thành mua lại trái phiếu TCT Sông Đà trước hạn.
- Chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để hoàn thành công tác đầu tư và đưa dự án nhà máy thủy điện Xêkaman 3 vào phát điện.
- Tập trung, quyết liệt giải quyết các vướng mắc tồn đọng với chủ đầu tư, hoàn thành thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng tại các dự án lớn Tổng công ty làm tổng thầu.

3. Công tác quản lý kỹ thuật:

- Công tác chỉ đạo, điều hành thi công xây lắp tại các công trường cơ bản đáp ứng yêu cầu về tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn.
- Chỉ đạo các đơn vị sản xuất điện thực hiện kịp thời, đúng quy trình trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị và quản lý vận hành an toàn. Công tác chỉ đạo an toàn hồ đập được đặc biệt quan tâm, chú trọng và hiệu quả.
- Công tác quản lý vận hành tòa nhà Sông Đà đảm bảo an toàn, tiện ích đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Hoàn thiện và hệ thống hóa hồ sơ, tài liệu hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018

4. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị và chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Mẹ - TCT và các công ty con, công ty liên kết.

- Thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp của Tổng công ty; Đã thoái vốn thành công khoản đầu tư tại Công ty cổ phần ĐTPT đô thị và KCN Sông Đà (Sudico) ở thời điểm hợp lý đã đem lại hiệu quả lớn cho Tổng công ty.

- Hoàn thành nộp số tiền 487,3 tỷ đồng cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp – Bộ Tài chính.

- Thực hiện mua lại trái phiếu TCT Sông Đà trước hạn.

- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo đúng quy định.

5. Công tác chiến lược đầu tư:

- Thực hiện rà soát và trình ĐHCĐ thường niên năm 2022 – TCT Sông Đà thông qua báo cáo thực hiện năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty.

- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 của các đơn vị trong Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát tình hình thực hiện SXKD của toàn Tổng công ty để nắm bắt và chỉ đạo kịp thời các đơn vị đẩy mạnh SXKD nhằm hoàn thành KH năm 2022.

- Chỉ đạo xây dựng Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2023-2028 của Tổng công ty và các công ty con.

- Thông qua chủ trương nghiên cứu cơ hội đầu tư khu đất G10.

6. Công tác kinh tế:

- Cơ bản hoàn thành quyết toán hợp đồng tổng thầu dự án TĐ Xekaman 1.

- Hoàn thành quyết toán với Chủ đầu tư tại thủy điện Đồng Nai 5, Huội Quảng. Hoàn thành quyết toán tại các dự án: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hủa Na, Nậm Chiến, Pleikrong, Sê San 4.

- Phối hợp với JV thương thảo và đôn đốc chủ đầu tư thực hiện thoả thuận hoà giải tại thủy điện Nam Theun 1.

7. Công tác kinh doanh cho thuê nhà:

Trong năm 2022 đã tập trung tìm kiếm khách hàng cho thuê với tỷ lệ lấp đầy đạt >95% diện tích. Công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng được đảm bảo.

8. Công tác tiếp thị đấu thầu:

- Trong năm 2022 toàn Tổng công ty trúng thầu với giá trị khoảng 7.300 tỷ đồng.

9. Công tác tổ chức nhân sự:

- Đã thông qua công tác cán bộ tại 12 đơn vị; công tác cán bộ tại Ban kiểm soát Tổng công ty.

- Thực hiện quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý Tổng công ty giai đoạn 2021-2026.

- Rà soát cử, cử lại và giao lại phần vốn đối với người đại diện phần vốn của

Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết phục vụ ĐHĐCĐ năm 2022 và ký hợp đồng giao trách nhiệm với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty (đối với đơn vị có sự thay đổi Người đại diện). Phê duyệt kết quả đánh giá Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị năm 2021.

- Thực hiện tốt công tác lao động, tiền lương và thi đua khen thưởng.

10. Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro:

- Thực hiện rà soát điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên làm cơ sở đưa vào nội dung đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến Tổng công ty, hỗ trợ pháp lý các đơn vị.

- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, qui định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và của SCIC.

11. Một số tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, trong năm qua hoạt động SXKD của Tổng công ty còn một số hạn chế như sau:

- Một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn còn gặp khó khăn về tài chính, kết quả SXKD chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 và tình hình lạm phát; Thị trường xây lắp truyền thống của Tổng công ty bị thu hẹp; Bên cạnh đó, còn một số chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán cho đơn vị thi công, ngoài ra việc chỉ đạo công tác quyết toán tại một số công trình chưa thực sự quyết liệt đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, kinh doanh.

C. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2023.

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	
			Tổ hợp Sông Đà	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.880	1.200
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.300	1.145
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	500	45
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	440
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	573	429
6	Dự kiến tỷ lệ cổ tức	%		10

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Hoàn thành quyết toán, bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần.
2. Hoàn thành công tác quyết toán các hợp đồng tổng thầu với Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công.
3. Tập trung tiếp thị đấu thầu đảm bảo đủ việc làm.
4. Sản xuất kinh doanh điện: 2.032 triệu Kwh.
5. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác thu vốn, thu nợ.
6. Thực hiện thoái vốn theo kế hoạch được phê duyệt.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Công tác quản lý kỹ thuật:

- Chỉ đạo các đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để tập trung lực lượng thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.
- Chỉ đạo các đơn vị sản xuất điện xây dựng và thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, nhằm đảm bảo vận hành an toàn nhà máy điện trong mùa mưa với sản lượng cao nhất, hạn chế tối đa việc xả nước qua đập tràn, sử dụng tối ưu nguồn nước để phát điện.
- Thực hiện tốt công tác quản lý vận hành tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình.
- Tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động, người lao động trong toàn Tổng công ty; Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão và phòng chống cháy nổ tại các công trường, nhà máy của Tổng công ty.

2. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp

- Hoàn thành công tác phê duyệt kết quả xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang CTCP; Ký biên bản bàn giao tài chính sang CTCP.
- Tổ chức triển khai thực hiện thoái vốn các đơn vị theo kế hoạch đảm bảo hiệu quả.
- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác thu vốn, thu hồi công nợ. Cân đối đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và trả nợ năm 2023 của Công ty Mẹ-TCT đúng hạn.
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty đúng quy định. Thông qua các nội dung Đại hội đề các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo đúng quy định.

3. Công tác chiến lược đầu tư

- Hoàn thành công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty Mẹ - TCT và cho các đơn vị trong Tổng công ty.

- Hoàn thành đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2023-2028; Tổ chức triển khai thực hiện Đề án được duyệt theo kế hoạch và hiệu quả.

- Thực hiện thẩm định, thông qua các dự án nâng cao năng lực thiết bị của các đơn vị nhằm đảm bảo năng lực thi công; các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án cải tạo, mở rộng (nếu có).

4. Công tác kinh tế

- Hoàn thành quyết toán giá trị thủy điện Xekaman 1; Quyết toán giá trị hợp đồng tổng thầu xây lắp với Chủ đầu tư thủy điện Xekaman 3.

- Hoàn thành quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư/Tổng thầu dự án Nam hòn khô, thủy điện Đakđrinh. Hoàn thành quyết toán với các đơn vị thi công tại các dự án: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hòa Na, Nậm Chiến, Pleikrong, Sê San 3A, Sê San 4, Xekaman 1, Tuyên Quang, đường Hồ Chí Minh, Nhà quốc hội, Nam Theun 1.

- Cùng doanh nghiệp dự án thống nhất phương án tài chính và thanh quyết toán hợp đồng BOT các dự án giao thông (Quốc lộ 2, Đèo Ngang, Đoạn tránh thành phố Hà Tĩnh) với Tổng cục đường bộ Việt Nam.

- Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2022 và kế hoạch tiền lương năm 2023.

5. Công tác kinh doanh cho thuê nhà

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng thuê văn phòng tại Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình, phần đầu tỷ lệ lấp đầy trên 95%.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông và tiếp thị trên các phương tiện thông tin đại chúng; công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng đang thuê tại tòa nhà.

6. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Mục tiêu nhiệm vụ của công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2023 của toàn Tổng công ty với giá trị trúng thầu khoảng 6.000 tỷ đồng. Tập trung chỉ đạo tham gia đấu thầu các dự án phù hợp năng lực của TCT ở Việt Nam và Nước CHDCND Lào.


- Tiếp tục củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia đấu thầu các dự án, công trình theo kế hoạch tiếp thị đấu thầu được duyệt và đạt kết quả cao.

7. Công tác tổ chức nhân sự

- Thực hiện công tác nhân sự nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty mẹ - TCT.

- Hoàn thành phê duyệt quy hoạch các chức danh do Tổng công ty quản lý nhiệm kỳ 2021-2026

- Rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của Tổng



công ty Sông Đà tại các Công ty con, Công ty liên kết phục vụ ĐHĐCD năm 2023; Ký hợp đồng trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết (thay đổi trong năm 2023).

- Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động (lương, BHXH, BHYT, BHTN,...)

8. Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro

- Thực hiện công tác thẩm định pháp lý liên quan hoạt động của Tổng công ty. Rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và của SCIC.

- Thực hiện kết luận sau Thanh tra của các cơ quan Thanh tra; Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến Tổng công ty (nếu có).

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng năm 2023.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm hoạt động của HĐQT Tổng công ty Sông Đà-CTCP năm 2022; Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty. Rất mong các Quý vị cổ đông tham dự đại hội xem xét, thông qua để HĐQT Tổng công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý và điều hành Tổng công ty ngày càng hiệu quả hơn, xây dựng Tổng công ty Sông Đà-CTCP phát triển bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!



Hồ Văn Dũng

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022 (được ĐHQĐĐ (thông qua))	THỰC HIỆN NĂM 2022 (Theo NQĐHQĐĐ thông qua)			THỰC HIỆN NĂM 2022 (bao gồm cả giá trị thoái vốn)			KẾ HOẠCH NĂM 2023	
				Tổng cộng Toàn TCT	Trong đó: Công ty Mẹ	%HTKH năm	Tổng cộng Toàn TCT	Trong đó: Công ty Mẹ	%HTKH năm	Tổng cộng Toàn TCT	Trong đó: Công ty Mẹ
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁹ đ	7.100	7.307	1.177	103	10.626	4.495	150	6.880	1.200
1	Giá trị xây lắp	10 ⁹ đ	4.010	3.280	177	82	3.280	177	82	3.605	165
2	Giá trị sản xuất điện	10 ⁹ đ	2.600	3.108	371	120	3.108	371	120	2.550	330
3	Giá trị cho thuê văn phòng	10 ⁹ đ	100	127	127	127	127	127	127	120	120
4	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁹ đ	390	792	502	203	4.110	3.820	1.054	605	585
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH										
1	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.830	6.966	1.093	102	9.304	4.411	136	6.300	1.145
2	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	480	677	31	141	838	192	175	500	45
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	418	935	173	224	2.176	1.415	521	620	440
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	351	769	173	219	1.817	1.221	517	573	429
5	Tiền về tài khoản	10 ⁹ đ	6.650	6.053	899	91	10.435	5.281	157	6.230	1.182
III	KHỐI LƯỢNG SPCN										
1	Sản lượng điện	10 ⁶ Kwh	1.910	2.302	377	121	2.302	377	121	2.032	292

(Signature)

THỰC HIỆN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN TRONG TCT SÔNG ĐÀ

	SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022	NĂM 2022		KẾ HOẠCH NĂM 2023
				THỰC HIỆN	%HTKH NĂM	
	Tổng sản lượng	10 ⁶ kWh	1.910	2.302	121	2.032
I	Công ty mẹ					
1	Nhà máy TĐ Cần Đơn	10 ⁶ kWh	292,0	376,6	129	292
II	Các nhà máy của công ty con	10 ⁶ kWh	1.618	1.926	119	1.740
II.1	Các nhà máy của Công ty cấp II	10 ⁶ kWh	1.309	1.543	118	1.432
1	Nhà máy TĐ Sê San 3A	10 ⁶ kWh	398,4	498,0	125	420
2	Nhà máy TĐ Nậm Chiến	10 ⁶ kWh	647,0	759,0	117	750
3	Nhà máy TĐ Ry ninh II	10 ⁶ kWh	48,0	25,3	53	50
4	Nhà máy TĐ Nà Lơi	10 ⁶ kWh	49,0	55,4	113	50
5	Nhà máy TĐ Nậm Khánh	10 ⁶ kWh	40,3	51,1	127	35
6	Nhà máy TĐ Iagrai 3	10 ⁶ kWh	32,0	39,0	122	32
7	Nhà máy TĐ Pake	10 ⁶ kWh	93,8	115,5	123	95
II.2	Các nhà máy của Công ty cấp III	10 ⁶ kWh	309	383	124	308
1	Nhà máy TĐ Nậm Mu	10 ⁶ kWh	67,0	76,8	115	70
2	Nhà máy TĐ Nậm Ngần	10 ⁶ kWh	57,0	64,3	113	60
3	Nhà máy TĐ Nậm An	10 ⁶ kWh	20,0	22,0	110	22
4	Nhà máy TĐ Nậm He	10 ⁶ kWh	39,0	48,8	125	35
5	Nhà máy TĐ Hà Tây	10 ⁶ kWh	26,4	22,8	86	26
6	Nhà máy TĐ Đắc Lô	10 ⁶ kWh	100,0	147,8	148	95

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023
CỦA CÔNG TY MẸ - TCT SÔNG ĐÀ

Các chỉ tiêu chủ yếu

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022 (Theo NQĐHĐCĐ thông qua)		THỰC HIỆN NĂM 2022 (bao gồm cả giá trị thoái vốn)		KẾ HOẠCH NĂM 2023
				Giá trị	%HTKH năm	Giá trị	%HTKH năm	
A	B	C	1	2	3=2/1	4	5=4/1	6
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁹ đ	850	1.177	138	4.495	529	1.200
1	Giá trị xây lắp	10 ⁹ đ	125	177	142	177		165
1	Giá trị sản xuất điện	10 ⁹ đ	330	371	113	371		330
2	Giá trị cho thuê VP	10 ⁹ đ	100	127	127	127		120
3	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁹ đ	295	502	170	3.820		585
II	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH							
1	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	930	1.093	118	4.411	474	1.145
2	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	30	31	103	192	640	45
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.415	1.664	440
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.221	1.436	429
5	Dự kiến tỷ lệ cổ tức	%				10		10
III	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁹ đ						
IV	KHỐI LƯỢNG SPCN							
1	Sản lượng điện	10 ⁶ Kwh	292	376	129	377	129	292

**CHI TIẾT CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023
CỦA CÔNG TY MẸ - TCT SÔNG ĐÀ**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022 (được ĐHCĐ thông qua)	THỰC HIỆN NĂM 2022 (Theo NQĐHCĐ thông qua)	%HTKH năm	THỰC HIỆN NĂM 2022 (bao gồm cả giá trị thoái vốn)	%HTKH năm	KẾ HOẠCH NĂM 2023
	TỔNG CỘNG		850	1.177	138	4.495	529	1.200
I	Giá trị kinh doanh xây lắp	10 ⁹ đ	125	177		177	142	165
1	Thủy điện Yaly mở rộng	10 ⁹ đ	110	168		168		145
2	Công trình đường sắt tại Ấn Độ (phí thầu phụ)	10 ⁹ đ	15	9		9		20
3	Thủy điện Tanahu (Nepan)	10 ⁹ đ						330
II	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁹ đ	330	371	113	371	113	292
	Sản lượng điện Cần Đơn	10 ⁶ KW/h	292	376		376		120
III	Giá trị cho thuê văn phòng	10 ⁹ đ	100	126,7	127	126,7	127	119
	Kinh doanh VP cho thuê HH4	10 ⁹ đ	100	126,0		126,0		1
	Cho thuê VP nhà G10	10 ⁹ đ		0,70		0,70		
IV	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁹ đ	295	502		3.820		585



BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP
Về kết quả hoạt động giai đoạn 2018-2023 và phương hướng, nhiệm vụ
giai đoạn 2023-2028 Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà-CTCP

Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà-CTCP báo cáo ĐHCĐ thường niên Tổng công ty năm 2023 về kết quả hoạt động giai đoạn 2018-2023 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2023-2028 của Tổng công ty như sau:

A. Kết quả hoạt động của Tổng công ty giai đoạn 2018-2023:

Quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Tổng công ty giai đoạn 2018-2023 trong điều kiện thị trường truyền thống là thi công công trình thủy điện, công trình ngầm ở trong nước bị thu hẹp, Tổng công ty tham gia vào các phân khúc xây lắp khác phải cạnh tranh khốc liệt; bên cạnh đó dịch bệnh Covid 19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của toàn Tổng công ty. Nhưng Tổng công ty Sông Đà luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, Ngành...; Đặc biệt sau thời điểm chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty Sông Đà từ Bộ Xây dựng sang Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) vào ngày 31/8/2020, Tổng công ty nhận được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời và hiệu quả của SCIC; sự đoàn kết thống nhất của tập thể Ban lãnh đạo, cùng với nỗ lực của toàn thể CBCNV trong Tổng công ty đã vượt qua khó khăn, thách thức để duy trì và ổn định SXKD, bám sát mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và đã đạt được những kết quả chủ yếu sau đây:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 5 NĂM (2018-2022)		THỰC HIỆN 5 NĂM (2018-2022)		%HTKH 5 NĂM	
			Toàn TCT	Trong đó: Công ty mẹ	Toàn TCT	Trong đó: Công ty mẹ	Toàn TCT	Trong đó: Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	42.770	6.750	46.000	8.962	108	133
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	38.930	6.465	37.847	9.841	97	152
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	2.758	209	3.581	411	130	197
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	1.845	452	3.987	1.590	216	352

II. Đánh giá tình hình hoạt động của TCT giai đoạn 2018-2023:

1. Tình hình hoạt động SXKD:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu cơ bản đạt và vượt kế hoạch hàng năm đã đề ra. Tổng giá trị SXKD của toàn TCT thực hiện trong 5 năm là 46.000 tỷ đồng, đạt 108%KH; Doanh thu 37.847 tỷ đồng, đạt 97%KH; Lợi nhuận 3.987 tỷ đồng, đạt 216%KH và nộp ngân sách nhà nước 3.581 tỷ đồng, đạt 130%KH.

Đặc biệt, sau khi chuyển giao vốn Nhà nước về SCIC, được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời và hiệu quả của SCIC nên tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty đã có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động chung của TCT trong cả giai đoạn 5 năm vừa qua; đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận tăng vượt bậc, cụ thể: năm 2021 là 714 tỷ đồng/KH 280 tỷ, đạt 255%; năm 2022 là 2.176 tỷ đồng/KH 418 tỷ, đạt 521%.

Về đánh giá từng lĩnh vực hoạt động SXKD:

1.1. Lĩnh vực xây lắp:

Tổng công ty đã thi công cơ bản hoàn thành mục tiêu, tiến độ, đảm bảo chất lượng xây lắp các công trình lớn như: Thủy điện Nậm Nghiệp 1 và thủy điện Nậm Emoun tại Lào, thủy điện Đăk Mi 2, thép Hòa Phát,... Công tác tiếp thị, đấu thầu thi công xây lắp trong thời gian qua đạt được kết quả đáng khích lệ, trúng thầu với tổng giá trị gần 33.000 tỷ đồng, Công ty mẹ TCT (thành viên liên danh) đã trúng thầu gói 6 - Dự án đường sắt Ấn Độ và Dự án TĐ Tanahu (Nepal) với tổng giá trị khoảng 400 triệu USD.

1.2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện:

Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và hoàn thành đầu tư đưa nhà máy thủy điện Xêkaman 3 vào vận hành tháng 5/2022 và thủy điện Pake vào tháng 11/2020.

Hiện nay, Tổng công ty hiện có 24 nhà máy điện đang vận hành với tổng công suất là 1.184 MW (trong đó công ty mẹ và các công ty con là 14 nhà máy với công suất là 521MW; Các công ty liên kết là 10 nhà máy với công suất là 662MW), tổng công suất theo tỷ lệ nắm giữ vốn của TCT tại các nhà máy điện vào khoảng 545MW.

Chỉ đạo tốt công tác quản lý, điều hành các nhà máy điện; kết quả thực hiện sản lượng sản xuất kinh doanh điện hàng năm của TCT đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, tính bình quân chung cả giai đoạn đạt khoảng 120% kế hoạch, mang lại lợi nhuận lớn cho Tổng công ty.

1.3. Lĩnh vực cho thuê văn phòng:

Công tác kinh doanh cho thuê văn phòng của Tổng công ty luôn duy trì tỷ lệ lấp đầy >95% diện tích văn phòng cho thuê, đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư.

2. Công tác sắp xếp, tái cấu trúc doanh nghiệp:

- Về công tác Cổ phần hóa Công ty Mẹ - TCT: Thực hiện các Quyết định chỉ đạo của Chính phủ, Bộ xây dựng, Công ty Mẹ - TCT đã hoàn thành công tác CPH và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 6/4/2018.

- Hoàn thành công tác chuyển quyền sở hữu vốn nhà nước tại TCT từ Bộ Xây dựng sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước từ ngày 31/8/2020.

- Về thực hiện công tác tái cấu trúc doanh nghiệp: Trong giai đoạn 2018-2023, Tổng công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp theo kế hoạch đã đề ra; đặc biệt từ khi chuyển giao chủ sở hữu TCT về SCIC công tác tái cấu trúc được chỉ đạo thực hiện sát sao, quyết liệt nên Tổng công ty đã thoái vốn thành công khoản đầu tư tại Sudico ở thời điểm hợp lý đã đem lại hiệu quả lớn, góp phần nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3. Về tình hình tài chính:

Việc hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp theo kế hoạch đề ra đã đem lại cho Tổng công ty một nguồn lực tài chính ổn định, hiệu quả phục vụ cho công tác tái cấu trúc tài chính đạt kết quả cao. Qua đó giúp cho tình hình tài chính của Tổng công ty được ổn định, vững mạnh; các chỉ số tài chính được lành mạnh hóa, luôn đảm bảo đạt và vượt mức tỷ lệ theo quy định. Cụ thể:

- Doanh thu của Tổ hợp năm 2022 tăng trưởng 12% so với năm 2018. Kết quả SXKD các năm đều có lãi, mức lợi nhuận năm 2022 so với năm 2018 toàn TCT tăng 397%; riêng công ty mẹ tăng 5.057%.

- Về chỉ tiêu chi trả cổ tức cho Cổ đông: cổ tức năm 2018-2021 là 2,8% và dự kiến năm 2022 là 10%.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm kết thúc năm tài chính năm 2022 so với năm 2018 giảm đáng kể, cụ thể:

+ Nợ phải trả công ty mẹ thời điểm 31/12/2022 là 7.488 tỷ đồng giảm 3.647 tỷ đồng so với thời điểm năm 2018 (là 11.135 tỷ đồng), tương đương tỷ lệ giảm là 33%.

+ Nợ phải thu công ty mẹ thời điểm 31/12/2022 là 4.251 tỷ đồng giảm 3.765 tỷ đồng so với thời điểm năm 2018 (là 8.016 tỷ đồng), tương đương tỷ lệ giảm là 47%.

- Vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong năm 2022. Tổng tài sản đến thời điểm 31/12/2022 là 23.670 tỷ đồng.

- Các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán, hệ số nợ luôn đảm bảo và cao hơn qui định.

- Hiệu quả sử dụng vốn tăng mạnh năm 2022 so với năm 2018, cụ thể:

+ Toàn Tổng công ty: ROE 19,91% tăng 313% so với năm 2018 (năm 2018 là 4,8%); ROA là 7,67% tăng 507% so với năm 2018 (năm 2018 là 1,3%).

+ Công ty Mẹ-TCT: ROE là 21,3% tăng 3.407% so với năm 2018 (năm 2018 là 0,6%); ROA là 9,2% tăng 5.167% so với năm 2018 (năm 2018 là 0,18%).

4. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

- Tính đến 31/12/2022, Tổng công ty đang đầu tư vốn tại 34 đơn vị với tổng giá trị đầu tư là 5.948,95 tỷ đồng, tương ứng với giá trị sở hữu 4.742,779 tỷ đồng mệnh giá

- Các khoản đầu tư vốn này đều mang lại hiệu quả, cụ thể số thu cổ tức từ 2018 - 2022 là 1.202,43 tỷ đồng.

III. Đánh giá chung:

Trong giai đoạn 2018-2023, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn như đã nêu trên, nhưng Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng, tạo điều kiện để Tổng công ty phát triển ổn định và bền vững, cụ thể như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong giai đoạn 2018-2023 đã đề ra, trong đó lợi nhuận toàn TCT đạt 216% KH, riêng Công ty mẹ đạt 352%KH.

- Thoái vốn thành công tại Sudico ở thời điểm hợp lý đã đem lại hiệu quả lớn cho TCT và tình hình tài chính đã cải thiện đáng kể. Hoàn thành nộp số tiền 487,3 tỷ đồng cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để hoàn thành công tác đầu tư đưa các TM thủy điện Xékaman 3, Pake vào phát điện.

- Công tác thu xếp vốn cơ bản đáp ứng được yêu cầu SXKD.

- Hoàn thành mục tiêu, tiến độ các công trình trọng điểm theo hợp đồng đã ký.

- Đã củng cố lại lực lượng làm công tác tiếp thị, đấu thầu từ TCT đến các đơn vị thành viên và đã đạt được kết quả nhất định, tổng giá trị trúng thầu giai đoạn 2018-2023 đạt gần 33.000 tỷ đồng.

- Đã tập trung, quyết liệt giải quyết các vướng mắc tồn đọng với chủ đầu tư, hoàn thành thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng các dự án lớn TCT làm tổng thầu như: thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Đồng Nai 5, Hỏa Na; Tòa nhà Quốc hội...

- Tình hình tài chính của Công ty mẹ TCT đã được cải thiện, các khoản phải thu phải trả giảm đáng kể so với đầu kỳ, các chỉ số thanh toán khoản nợ đến hạn, hệ số nợ đảm bảo theo quy định.

IV. Một số tồn tại, hạn chế:

Tình hình hoạt động của Tổng công ty giai đoạn 2018-2023, mặc dù đã đạt được những kết quả rất tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

1. Tồn tại:

- Lĩnh vực xây lắp giảm sút, tình hình tài chính của các đơn vị có vốn góp của TCT hoạt động trong lĩnh vực xây lắp còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả chưa cao.

- Tại một số công trình Chủ đầu tư vẫn chưa thanh toán cho đơn vị thi công. Công nợ tại Xi măng Hạ Long chưa được giải quyết.

2. Nguyên nhân:

- Thị trường truyền thống của TCT Sông Đà ở trong nước bị thu hẹp, việc tham gia vào các phân khúc xây lắp khác phải cạnh tranh khốc liệt; bên cạnh đó việc chuyển đổi ngành nghề còn chậm.

- Dịch bệnh Covid-19 kéo dài đã tác động, ảnh hưởng lớn đến các lĩnh vực, ngành nghề hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị.

B. Phương hướng, nhiệm vụ của Tổng công ty giai đoạn 2023-2028:

1. Mục tiêu, định hướng:

Xây dựng Tổng công ty Sông Đà - CTCP thành Tổng công ty mạnh ở trong nước và khu vực; tập trung sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên các lĩnh vực chính là: (1) *Thi công xây lắp*; (2) *Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm*; (3) *Kinh doanh bất động sản và cho thuê văn phòng*. Trước mắt Tổng công ty sẽ tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính, gồm: (1) *Thi công xây lắp*; (2) *Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm*.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2023-2028): Đảm bảo hoạt động SXKD ổn định, tăng trưởng và có lãi; cổ tức bình quân cả giai đoạn dự kiến 8%/năm.

- Hoàn thành quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang CTCP.

- Tập trung triển khai thực hiện thành công Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà-CTCP giai đoạn 2023-2028.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm, phấn đấu hàng năm trúng thầu từ 5.000 – 8.000 tỷ đồng.

- Đáp ứng đủ vốn hoạt động SXKD, đầu tư của Tổng công ty và trả nợ các tổ chức tín dụng đúng hạn.

- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên; quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tích lũy vốn để phát triển.

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả về công tác quyết toán và thu hồi công nợ thi công xây lắp tại các công trình/dự án đã hoàn thành.

- Tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư, hợp tác đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ; điện mặt trời, điện gió có hiệu quả kinh tế ở trong nước và CHDCND Lào; các dự án đầu tư khác phù hợp với năng lực tài chính và lợi thế của từng đơn vị và Tổng công ty để triển khai thực hiện đầu tư.

- Hoàn thành mục tiêu, tiến độ, đảm bảo chất lượng xây lắp các công trình theo hợp đồng. Tăng cường công tác quản lý, vận hành bảo đảm an toàn và hiệu quả của các nhà máy điện, phấn đấu sản lượng sản xuất, kinh doanh điện bình quân hàng năm đạt trên 2 tỷ kwh và sản lượng điện của 5 năm dự kiến đạt 10 tỷ kwh.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu về tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác quản lý, điều hành, thiết kế thi công đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực quản trị, điều hành để đảm bảo năng lực thực hiện nhiệm vụ trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi các quy định quản lý nội bộ hiện hành phù hợp với các quy định mới của nhà nước và quy định của SCIC.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của đội ngũ cán bộ công nhân viên. Xây dựng doanh nghiệp dân chủ, đồng thuận, kỷ cương, đoàn kết để phát triển.

3. Về công tác tái cơ cấu lại doanh nghiệp:

- Công tác sắp xếp, tái cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2023-2028 nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu khẳng định thương hiệu mạnh Sông Đà trong 02 lĩnh vực chính là: (1) *Thị công xây lắp*; (2) *Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm*. Theo đó sẽ tập trung các nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty Mẹ trong 02 lĩnh vực chiến lược và triển khai thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp (không cần nắm giữ) để tạo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty và chuyển dịch cơ cấu vốn tăng cường đầu tư vào các công ty nòng cốt, chủ lực của Tổng công ty.

- Trên cơ sở nghiên cứu kỹ và kết quả phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính hiện tại, triển vọng phát triển của từng doanh nghiệp, danh mục các đơn vị có vốn góp của Sông Đà gồm 02 nhóm: (i) Doanh nghiệp/ khoản đầu tư cần thoái vốn (ii) Doanh nghiệp/ khoản đầu tư tiếp tục nắm giữ, phát triển nòng cốt. Sau khi hoàn thành Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2023-2028, Tổng công ty dự kiến giữ lại các doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Có giá trị lợi thế và tiềm năng phát triển ngành nghề chính của Tổng công ty;

+ Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các doanh nghiệp: trên 35% đối với các doanh nghiệp SXKD điện và trên 50% vốn điều lệ đối với các doanh nghiệp còn lại;

+ Kết quả sản xuất kinh doanh hiệu quả; tài chính lành mạnh; đảm bảo chi trả cổ tức hàng năm.

- Đối với nhóm doanh nghiệp tiếp tục nắm giữ, Tổng công ty sẽ đồng thời thực hiện các giải pháp để phát triển các đơn vị thành nòng cốt, đảm bảo mục tiêu trong 02 lĩnh vực chính, cụ thể:

+ Đầu tư thêm vốn, nguồn nhân lực, công nghệ để nâng sức cạnh tranh của các đơn vị, tăng tỷ lệ sở hữu vốn của Tổng công ty tại các đơn vị.

+ Đảm bảo chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các đơn vị quan hệ hữu cơ, chặt chẽ với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

+ Sửa đổi, bổ sung cơ chế quản lý, điều hành và kiểm soát rủi ro thống nhất từ Công ty Mẹ đến các đơn vị nòng cốt để nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Tổng công ty.

- Đối với các doanh nghiệp còn lại không đáp ứng các tiêu chí nắm giữ nêu trên, Tổng công ty sẽ đánh giá và xây dựng kế hoạch thoái vốn chi tiết cho từng khoản đầu tư một cách khoa học và có tính khả thi theo từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với nhu cầu nguồn vốn, dòng tiền để thực hiện kế hoạch SXKD và công tác tái cấu trúc tài chính Tổng công ty giai đoạn 2023-2028.



C. Kiến nghị:

Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà-CTCP trình Đại hội đồng cổ đông:

Thông qua phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2023-2028 của Tổng công ty Sông Đà-CTCP và giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà-CTCP giai đoạn 2023-2028 làm cơ sở triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hồ Văn Dũng



Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023:

Ban Kiểm soát của Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023 gồm có các thành viên:

TT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	BỐ NHIỆM	MIỄN NHIỆM	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng BKS	26/3/2018		
2	Phạm Văn Việt	Kiểm soát viên	26/3/2018	06/6/2019	
3	Trần Thị Mỹ Hào	Kiểm soát viên	26/3/2018	24/6/2022	
4	Trần Thế Anh	Kiểm soát viên	06/6/2019	24/6/2022	
5	Tổng Quang Vinh	Kiểm soát viên	24/6/2022		
6	Phạm Thị Cao Thanh	Kiểm soát viên	24/6/2022		

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2022 và nhiệm kỳ 2018 ÷ 2023, các thành của Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty (riêng bà Trần Thị Mỹ Hào đã nghỉ tự túc và không tham gia các hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty từ ngày 23/7/2019; Ban Kiểm soát đã có Văn bản số 1390/TCT-BKS ngày 19/12/2019 gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty để thông báo về trường hợp này). Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ và tiến hành kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Cụ thể:

2.1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty. Trong đó chú trọng giám sát tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty; tình hình thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; công tác quản lý các khoản phải thu, quản lý nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty; tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu của Tổng công ty.

- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty.

- Giám sát việc cơ cấu lại vốn của Tổng công ty đầu tư tại công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác.

2.2. Thông qua danh mục đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Báo cáo tài chính và các thông tin tài liệu khác. Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát đối với các công ty con và một số công ty liên kết có tỷ lệ/giá trị vốn góp lớn của Tổng công ty. Đánh giá, sắp xếp các doanh nghiệp theo ba nhóm chính để có biện pháp giám sát phù hợp: (i) Nhóm công ty hoạt động kinh doanh về cơ bản ổn định có hiệu quả; (ii) Nhóm công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả thấp, không chia cổ tức (hoặc có chia nhưng tỷ lệ cổ tức rất thấp); (iii) Nhóm công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Về kết quả giám sát đối với từng công ty con, công ty liên kết cụ thể, Ban Kiểm soát có văn bản thông báo tới Hội đồng quản trị Tổng công ty; đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục các tồn tại.

2.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo tài chính năm hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

2.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập và xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.

2.6. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

2.7. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



Trong quá trình thực hiện giám sát, khi phát hiện có những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; phát hiện các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Ban Kiểm soát đều có thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị Tổng công ty để chỉ đạo các cá nhân, tổ chức liên quan, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để khắc phục những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro, yếu kém trong công tác quản lý điều hành tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Trọng tâm những công tác sau:

1.1. Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần trong điều kiện gặp nhiều khó khăn không những từ các áp lực bên ngoài để thích nghi theo môi trường kinh doanh đã có những biến đổi về cơ bản, mà còn từ những khó khăn ngay trong nội tại Tổng công ty. Những khó khăn, vướng mắc tồn tại từ trước cổ phần hóa đã và đang từng bước được tháo gỡ, tuy nhiên vẫn còn các vấn đề tồn tại chưa thể tháo gỡ triệt để. Tổng công ty hiện vẫn còn gặp khó khăn trong công tác tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính, thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm.

Trước những khó khăn nêu trên, trong giai đoạn 2018 ÷ 2023, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực đề ra các giải pháp để tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất kinh doanh, công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn, công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm, thoái vốn ... trong toàn Tổng công ty và đã đạt được những kết quả khả quan. Đặc biệt là trong năm 2022, Tổng công ty đã có sự chuyển biến tích cực về dòng tiền, khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, giảm chi phí lãi vay ... Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Kết quả như sau:

1.1.1. Công ty mẹ TCT:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022 ĐHĐCĐ thông qua			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	850	1.177	138	4.495
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	930	1.093	118	4.411
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	30	31	103	192
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.415
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	85	173	204	1.221

1.1.2. Tổ hợp Sông Đà:

TT	Tên chỉ tiêu	DVT	Thực hiện kế hoạch năm 2022			Thực hiện năm 2022 (bao gồm thoái vốn)
			ĐHĐCĐ thông qua			
			Kế hoạch	Thực hiện	%HTKH	
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.100	7.307	103	10.626
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.830	6.966	102	9.304
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	480	677	141	838
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	418	935	224	2.176
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	351	769	219	1.817

Năm 2022, Tổng công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu, đặc biệt là chỉ tiêu Lợi nhuận mà trong đó có sự đóng góp lớn từ hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (SJS).

1.2. Công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án:

Đối với công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án Tổng công ty làm tổng thầu. Tổng công ty đã và đang tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc với các chủ đầu tư. Kết quả đạt được đến nay đã hoàn thành quyết toán tại các dự án: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hòa Na, Nậm Chiến, PLeikrông, Sê San 4; đang tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác quyết toán hợp đồng tổng thầu dự án thủy điện Xekaman 1; phối hợp với JV thương thảo với chủ đầu tư về thỏa thuận hòa giải tại dự án thủy điện Nam Theun 1.

1.3. Công tác thu hồi công nợ:

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty và các công ty con vẫn còn chậm, do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán; giá trị dở dang, công nợ phải thu còn rất lớn, nên Tổng công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đang gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền tạo ra với nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

1.4. Thực hiện danh mục thoái vốn giai đoạn 2021 ÷ 2022:

Theo danh mục thoái vốn thì trong giai đoạn 2021 ÷ 2022, Tổng công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại 22 doanh nghiệp. Trong các năm 2021 và 2022, Tổng công ty đã tập trung thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để thoái vốn của Tổng công ty tại một số đơn vị theo kế hoạch. Kết quả là trong năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện chuyển nhượng thành công phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà, Công ty CP Thủy điện Sứ Pán 2 và đạt hiệu quả cao. Kết quả thu được đã mang đến những chuyển biến tích cực về dòng tiền của Tổng công ty, tạo tiền đề để thực hiện tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty trong thời gian tới.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty:

Sau khi xem xét, rà soát một cách khách quan, khoa học, hệ thống và toàn diện tất cả các khía cạnh liên quan đến tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP; tính toán, phân tích các thông tin tài chính. Ban Kiểm soát nhận xét, đánh giá như sau:

2.1. Về chất lượng và độ tin cậy của Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Theo đơn vị kiểm toán thì:

- Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và các rủi ro tiềm ẩn: Năm 2022, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có lợi nhuận tăng trưởng mạnh so với năm 2021 và các năm trước, đã bảo toàn và phát triển vốn của các chủ sở hữu tại Tổng công ty. Với kết quả thu được từ việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Dầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà, Công ty CP Thủy điện Sứ Pán 2 thì những khó khăn, tồn tại về tài chính của Tổng công ty từ trước cổ phần hóa đang dần được khắc phục. Triển vọng tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP trong thời gian tới từng bước sẽ tốt hơn.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định. Tài sản của Tổng công ty hiện đang tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu (bằng 40% Tổng tài sản) và các khoản đầu tư tài chính (bằng 39% Tổng tài sản), các tài sản này phần lớn hiện đang có tính thanh khoản thấp nên rủi ro cao. Công tác thu hồi vốn tại các công trình, dự án (như các dự án thủy điện của Công ty CP Điện Việt Lào, và một số công trình, dự án do các công ty con tự tìm kiếm, đấu thầu ...), thu hồi các khoản phải thu của Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ... còn rất chậm; một số khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả; một số khoản tiền cổ tức, lợi nhuận được chia còn tình trạng để nợ đọng nhiều năm chưa thu được (đối với từng vấn đề cụ thể, Ban Kiểm soát đã có ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, hoặc ý kiến bằng văn bản gửi tới Hội đồng quản trị Tổng công ty). Thực trạng này đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng công ty và các công ty con của Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty:

Trong giai đoạn 2018 ÷ 2023, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đã hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tổng công ty; tuân thủ pháp luật; thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp; từng bước hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (có mời Ban Kiểm soát tham dự) được thực hiện theo quy định, đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản trị và tình hình phát triển kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xây dựng kế hoạch và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Tổng giám đốc Tổng công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ và đúng thẩm quyền.

Trước tình trạng còn nhiều khó khăn, tồn tại của Tổng công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận diện các hạn chế, tồn tại của nội bộ Tổng công ty để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, khắc phục tình trạng tài chính, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty:

Trong giai đoạn 2018 ÷ 2023, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp tốt trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp Tổng công ty.

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được ghi nhận và thực hiện.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong giai đoạn 2018 ÷ 2023, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định, từng bước khắc phục những tồn tại phát sinh từ nhiều năm trước, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua. Để Tổng công ty Sông Đà - CTCP ngày càng hoạt động ổn định và hiệu quả hơn trong những năm tới, Ban Kiểm soát kiến nghị về một số vấn đề cấp bách với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty như sau:

1. Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

2. Công tác thu hồi vốn:

- Cần có biện pháp cần thiết và quyết liệt hơn nữa trong việc thu hồi các khoản công nợ phải thu (Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ...) để không làm thất thoát, mất vốn; hạn chế tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn, tài sản của Tổng công ty. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc về kinh tế, kỹ thuật, đẩy mạnh công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án (thủy điện Xekaman 3, Xekaman 1 ...); phối hợp với JV thương thảo và đôn đốc chủ đầu tư thực hiện thỏa thuận hòa giải tại dự án thủy điện Nam Theun 1.

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn. Đối với những khách nợ thiếu thiện trí, cần đưa ra pháp luật để giải quyết, nhất là đối với các khách nợ là chủ đầu tư/tổng thầu các công trình, dự án do các công ty con, công ty liên kết tự tìm kiếm, đấu thầu.

3. Tập trung cho công tác thị trường tìm việc làm, tích cực tham gia đấu thầu các công trình, dự án trong và ngoài nước trong đó ưu tiên các lĩnh vực thi công, xây dựng là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Sông Đà.

4. Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện hoặc năng lượng tái tạo trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

5. Xây dựng và ban hành hệ thống các quy trình, quy chế quản trị vốn đầu tư; nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn tại các doanh nghiệp.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

Xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Cụ thể:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; việc ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Chiến lược, kế hoạch phát triển của Tổng công ty.

- Cơ cấu tổ chức và quản trị doanh nghiệp của Tổng công ty.

- Tái cơ cấu tài chính của Tổng công ty.

- Phương án, tiến độ thu hồi các khoản công nợ phải thu.

- Khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty đối với bên ngoài.

- Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo tài chính năm hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.
4. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty. Giám sát công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.
6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).
9. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.
10. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
11. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
12. Giám sát tình hình đầu tư vốn của Tổng công ty Sông Đà - CTCP vào doanh nghiệp khác.
13. Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty.
14. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
15. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

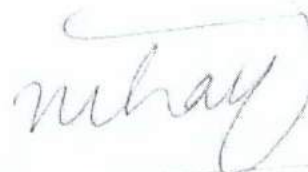
Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT, BKS TCT,
- Lưu BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Thắng

TỜ TRÌNH CỦA HĐQT TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2022 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2022 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2022:

+ Tổng tài sản:	13.220.006.468.707, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.553.133.970.169, đồng
Tài sản dài hạn	7.666.872.498.538, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.220.006.468.707, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.488.110.747.330, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.731.895.721.377, đồng
+ Tổng doanh thu	4.411.097.679.571, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	1.414.526.135.994, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	1.220.630.257.464, đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: HĐQT, VP TCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hồ Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 -12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 48

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	
Ông Tổng Quang Vinh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/06/2022
Bà Phạm Thị Cao Thanh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/06/2022
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2022
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thụ	Phó Tổng giám đốc

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là Ông Vũ Đức Quang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Số: 330/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.553.133.970.169	5.432.386.352.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	127.944.063.243	287.329.109.189
1. Tiền	111		71.944.063.243	287.329.109.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.322.272.618.561	21.381.661.250
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	172.618.561	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	2.322.100.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.078.143.844.985	5.047.616.591.947
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.013.654.069.318	1.188.709.468.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	81.483.958.164	90.750.003.468
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	2.649.531.848.953	2.599.305.341.915
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.269.880.213.369	1.241.091.708.278
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.936.406.244.819)	(72.239.929.758)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.561.591	41.133.973
1. Hàng tồn kho	141		6.561.591	41.133.973
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.766.881.789	76.017.856.551
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.762.379.198	53.708.179.933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.993.485.226	21.648.078.493
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	11.017.365	661.598.125
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.666.872.498.538	8.995.595.431.695
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.172.665.691.305	1.183.853.026.116
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	477.357.633.476	477.304.492.410
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	695.308.057.829	706.548.533.706
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		779.171.147.805	813.856.029.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	779.171.147.805	813.840.195.851
- Nguyên giá	222		1.099.168.942.225	1.100.810.027.115
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(319.997.794.420)	(286.969.831.264)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	15.833.315
- Nguyên giá	228		1.714.684.123	1.714.684.123
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.714.684.123)	(1.698.850.808)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48.849.426.755	48.849.426.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.3	5.658.129.873.790	6.896.146.328.099
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.868.624.290.939	3.868.624.290.939
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.965.728.798.410	3.030.974.293.010
3. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		173.052.765.095	208.311.087.205
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(349.275.980.654)	(211.763.343.055)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.056.358.883	52.890.621.559
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5	-	52.890.621.559
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.056.358.883	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		13.220.006.468.707	14.427.981.784.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh		31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.488.110.747.330	9.782.668.986.777
I. Nợ ngắn hạn	310		3.611.545.162.306	4.675.621.525.363
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.346.264.686.192	1.887.085.783.528
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	51.474.842.755	46.881.025.516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	40.564.503.343	460.266.303
4. Phải trả người lao động	314		16.957.435.574	14.809.943.234
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	395.997.782.629	351.011.505.373
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	31.403.942.179	35.810.930.938
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	441.016.649.205	865.202.786.027
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.285.939.228.744	1.472.313.568.649
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	1.926.091.685	2.045.715.795
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.876.565.585.024	5.107.047.461.414
1. Phải trả người bán dài hạn	331	14	1.063.526.544.282	1.552.386.407.049
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	140.619.193.340	144.454.262.248
7. Phải trả dài hạn khác	337	20	581.966.607.950	605.570.164.157
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.090.453.239.452	2.804.636.627.960
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

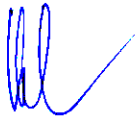
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.731.895.721.377	4.645.312.797.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	5.731.895.721.377	4.645.312.797.828
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.743.759.363	14.743.759.363
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.221.780.842.014	135.197.918.465
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.426.990.800	58.429.495.867
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.216.353.851.214	76.768.422.598
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		13.220.006.468.707	14.427.981.784.605

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	617.574.838.246	627.293.619.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	67.336.974
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		617.574.838.246	627.226.282.426
4. Giá vốn hàng bán	11	23	571.553.320.532	543.317.702.210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.021.517.714	83.908.580.216
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.792.764.337.957	248.537.585.920
7. Chi phí tài chính	22	25	322.322.838.353	226.986.670.809
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>155.330.859.570</i>	<i>229.557.398.047</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.037.457.548.067	(9.908.473.104)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.479.005.469.251	115.367.968.431
11. Thu nhập khác	31	27	758.503.368	1.731.372.858
12. Chi phí khác	32	28	65.237.836.625	40.330.918.691
13. Lợi nhuận khác	40		(64.479.333.257)	(38.599.545.833)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.414.526.135.994	76.768.422.598
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	201.952.237.413	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(8.056.358.883)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.220.630.257.464	76.768.422.598

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.414.526.135.994	76.768.422.598
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.764.195.652	36.481.825.576
Các khoản dự phòng	03		2.001.678.952.660	(62.463.462.854)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		27.895.221.001	(33.814.328.873)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(3.768.211.383.491)	(214.569.404.014)
Chi phí lãi vay	06		155.330.859.570	229.557.398.047
Các điều chỉnh khác	07		-	131.133.250
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(134.016.018.614)	32.091.583.730
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		164.072.322.209	599.717.311.269
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.572.382	2.269.597.011
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.433.003.278.866)	314.011.272.237
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		102.836.422.294	1.333.504.714
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		21.209.042.689	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(132.173.557.938)	(776.905.944.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(162.412.788.881)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(8.296.566.665)	(7.904.561.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.581.749.851.390)	164.612.763.059
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(79.314.291)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		428.540.067	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.378.057.808.469)	(81.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	221.157.673.906
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.348.750.530.266	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		519.536.129.868	324.472.558.265
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.497.578.077.441	464.630.232.171

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chi tiêu	Mã	Thuyết	Năm 2022	Năm 2021
	số	minh	VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		127.729.961.600	389.525.351.578
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.077.457.253.865)	(830.957.558.155)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(125.851.603.360)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.075.578.895.625)	(441.432.206.577)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(159.750.669.574)	187.810.788.653
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	287.329.109.189	100.119.976.513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		365.623.628	(601.655.977)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	127.944.063.243	287.329.109.189

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Sông Đà (Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo quyết định số 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 7 năm 2020 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính của Tổng Công ty hiện đặt tại Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 là 114 người (tại ngày 31/12/2021 là 120 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện, xây lắp và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

• **Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	68,93%	68,93%	68,93%	68,93%
2. Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Áp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
3. CTCP ĐT và PT điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng, Hoa Lư, Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
4. Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
5. Công ty Cổ phần Sông Đà 4	KĐT Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
6. Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tòa nhà HH4, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
7. Công ty Cổ phần Sông Đà 6	KĐT Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,24%	65,24%	65,24%	65,24%
8. Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
9. Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
10. Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
11. CTCP PCCC và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12. Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

• **Các công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	38,29%	35,11%	38,29%
2. Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
3. Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
4. Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Bất động sản	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
6. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
7. Công ty cổ phần Sông Đà 12	Số V05-01, Khu Đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
8. Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
10. Công ty cổ phần cao su Phú Riềng Kratie	Xã Phú Riềng, Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	SX, XNK cao su	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
11. Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà (*)	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	0%	36,30%	0%	36,30%

(*) Kể từ ngày 19/4/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà không còn là công ty liên kết của Tổng công ty.

• **Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
2. Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
3. Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
4. Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kontum
5. Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
6. Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
7. Ban điều hành dự án nhà máy thủy điện IALY mở rộng – Chi nhánh Tổng công ty Sông Đà – CTCP	153 Trần Nhân Tông, Tổ 7 - Phường Thắng Lợi - Thành phố Kon Tum - Kon Tum
8. Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
9. Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
10. Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Tổng Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó hoặc có giao dịch thường xuyên tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Tổng Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: Giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom): Giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu niêm yết đã bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: Việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp.
- Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tổng công ty ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh phần sở hữu của Tổng công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng công ty ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các Công ty con thì Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính tổng hợp theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là bằng không trừ khi Tổng công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng công ty khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại Tổng Công ty có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 47
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	03 - 10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Đối với các tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đề cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Tổng Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Tổng Công ty bao gồm các khoản: chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí công trình xây dựng, tiền chậm nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và các chi phí phải trả khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Tổng Công ty phát hành trái phiếu thường để vay dài hạn mục đích để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng và doanh thu nhận trước tiền xây dựng công trình. Tổng Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, xây lắp, cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	1.981.915.437	2.151.393.283
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.962.147.806	285.177.715.906
- Các khoản tương đương tiền (*)	56.000.000.000	-
Cộng	127.944.063.243	287.329.109.189

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.762.379.198	53.708.179.933
- Các khoản khác	3.762.379.198	53.708.179.933
Dài hạn	-	52.890.621.559
- Chi phí tư vấn tái cấu trúc	-	42.401.888.305
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	3.419.930.929
- Các khoản khác	-	7.068.802.325
Cộng	3.762.379.198	106.598.801.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	2.322.100.000.000	2.322.100.000.000	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	2.322.100.000.000	2.322.100.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	2.322.100.000.000	2.322.100.000.000	-	-

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

• **Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	3.868.624.290.939	3.868.624.290.939
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	981.194.316.519	981.194.316.519
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	1.010.880.360.000	1.010.880.360.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	228.073.875.831
- Công ty Cổ phần Sông Đà 3	64.464.000.000	64.464.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 4	72.975.500.000	72.975.500.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	196.843.824.000	196.843.824.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	339.023.100.000	339.023.100.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	305.867.224.224	305.867.224.224
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	417.736.289.900	417.736.289.900
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	15.973.200.000	15.973.200.000
- Công ty Cổ phần phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000
- Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	222.842.600.465

• **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị ghi sổ	1.965.728.798.410	3.030.974.293.010
Dự phòng	(214.542.777.537)	(130.356.251.832)

• **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Giá trị ghi sổ	173.052.765.095	208.311.087.205
Dự phòng	(5.472.660.996)	(4.928.091.223)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Chi tiết các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản đầu tư ủy thác		
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	39.866.880.000	39.866.880.000
- Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.005.720.000	1.005.720.000
- Công ty Cổ phần Thủy Điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy Điện Hương Sơn	6.875.500.000	6.875.500.000
	58.448.100.000	58.448.100.000

Tình hình biến động dự phòng cho các nhà đầu tư góp vốn vào các công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	211.763.343.055	213.998.343.055
Trích lập dự phòng	137.935.882.108	-
Hoàn nhập dự phòng	(423.244.509)	(2.235.000.000)
Số cuối năm	349.275.980.654	211.763.343.055

- Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	8.984.015
Chi phí Công trình	-	6.919.388
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.850.000	12.252.283.708
Chi phí Công trình	2.146.252.680	54.053.028.266
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Doanh thu Công trình	417.561.721	75.111.049
Phí bảo lãnh	218.485.138	97.838.309
Lãi cho vay	-	951.703.642
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.108.431.899	4.545.455
Cổ tức phải thu	-	16.681.680.000
Giảm trừ giá vốn	(756.701.742)	(4.076.724.308)
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	7.094.068.295
Chi phí công trình	565.636.027	34.735.850.138
Giá vốn	2.118.834.259	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPNhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**Mẫu số B09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	590.306.494
Chi phí Công trình	-	(6.477.379.702)
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		
Doanh thu khối lượng xây lắp phải thu	16.843.556.451	598.233.620
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu	427.938.382	225.145.533
Mua hàng	121.581.410.692	-
Chi phí Công trình phải trả	493.095.579	(5.351.591.452)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.417.897.416	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.875.548	188.142.696
Trả nợ gốc	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A		
Cổ tức phải thu	-	57.120.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.093.645	81.369.071
Giảm trừ giá vốn	-	(742.334.462)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn		
Chi phí giá vốn	343.329.069.058	313.053.451.562
Trả nợ gốc, Lãi cho vay	135.409.053.523	1.376.164.062
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	625.152.573	416.724.916
Cổ tức phải thu	-	665.550.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà		
Doanh thu phụ phí	429.332.681	-
Chi phí giá vốn	429.332.681	-
Lãi cho vay	190.530.518	245.938.762
Thu nợ gốc HĐ tín dụng, lãi vay, phí bảo lãnh, tiền thuê VP của CTCP CKLM Sông Đà qua công nợ góp vốn	3.501.839.706	-
Công ty Cổ phần điện Việt Lào		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	801.861.036	-
Lãi cho vay	49.568.731.109	60.739.845.042
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa (nhà Khánh Hòa)		
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu nhà Khánh Hòa	10.553.154	-
Chi phí công trình	3.366.669.444	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	447.017.968	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.013.654.069.318	1.188.709.468.044
- Phải thu các bên liên quan	676.954.774.254	729.155.639.597
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	82.788.005.583	146.006.357.267
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	342.827.780.453	363.859.865.762
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	249.609.677.559	214.626.492.048
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.580.598.208	1.580.598.208
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	137.315.045	137.315.045
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	-	2.945.011.267
Công ty Cổ phần phát triển nhà Khánh Hòa	11.397.406	-
- Phải thu các khách hàng khác	336.699.295.064	459.553.828.447
Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Nhà Quốc Hội	7.553.039.504	11.683.977.458
Ban quản lý Dự án Thủy điện 4	60.998.470.051	60.998.470.051
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	16.472.574.491	-
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	-	17.700.382.919
Liên doanh CMC/ITD/Song Da	106.987.433.165	103.673.359.717
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin	-	105.306.176.854
Ban quản lý Dự án Thủy điện 2	28.507.591.468	48.482.648.803
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	-	14.844.788.087
Các khách hàng khác	116.180.186.385	96.864.024.558
Dài hạn	477.357.633.476	477.304.492.410
- Phải thu các bên liên quan	475.891.117.892	465.257.267.626
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	133.039.572.980	133.039.572.980
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	323.849.076.268	313.215.226.002
- Phải thu các khách hàng khác	1.466.515.584	12.047.224.784
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	194.097.948	10.774.807.148
Ban quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	1.272.417.636	1.272.417.636
Cộng	1.491.011.702.794	1.666.013.960.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	81.483.958.164	90.750.003.468
- Trả trước cho các bên liên quan	37.421.811.411	48.420.196.456
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	5.019.505.463	4.519.505.463
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	6.938.949.731	6.938.949.731
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.146.373.783	13.146.373.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.251.872.798	19.875.889.041
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	961.835.591	961.835.591
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	260.568.300
Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà	8.842.705.745	2.717.074.547
- Trả trước cho đơn vị khác	44.062.146.753	42.329.807.012
Dài hạn	-	-
Cộng	81.483.958.164	90.750.003.468

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	2.649.531.848.953	2.599.305.341.915
- Phải thu các bên liên quan	702.089.161.093	646.710.030.834
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	693.928.291.836	637.970.483.367
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	4.388.099.818	2.854.832.624
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	3.772.769.439	3.857.261.632
Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà	-	2.027.453.211
- Phải thu các tổ chức khác	1.947.442.687.860	1.952.595.311.081
Dài hạn	695.308.057.829	706.548.533.706
- Phải thu các bên liên quan	145.351.172.877	147.708.016.960
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	90.844.481.864	92.317.509.452
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	54.506.691.013	55.390.507.508
- Phải thu các tổ chức khác	549.956.884.952	558.840.516.746
Cộng	3.344.839.906.782	3.305.853.875.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.269.880.213.369	1.241.091.708.278
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	203.077.918.636	346.223.828.156
Phải thu các bên liên quan	71.312.093.731	52.958.735.336
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	450.581.072	176.116.517
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	31.275.976.162	37.665.053.522
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	-	135.567.867
Công ty TNHH MTV Xekaman 1	116.558.759	116.558.759
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	81.320.432	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	273.747.314	185.332.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.463.524	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	6.855.435.062	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	238.194.259	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	10.738.825.339	10.599.760.539
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	69.000.000
Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà	21.273.565.171	4.011.346.132
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng sông Đà Ucrin	5.426.637	-
Phải thu các tổ chức và các nhân khác	995.490.201.002	841.909.144.786
Dài hạn	-	-
Cộng	1.269.880.213.369	1.241.091.708.278

11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	72.239.929.758	131.404.368.502
Trích lập dự phòng	1.866.166.315.061	2.800.494.413
Hoàn nhập dự phòng	(2.000.000.000)	(61.964.933.157)
Số cuối năm	1.936.406.244.819	72.239.929.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
01/01/2022	682.981.810.198	88.310.489.012	46.467.065.441	11.969.999.110	271.080.663.354	1.100.810.027.115					
- Mua trong năm	-	-	79.314.291	-	-	79.314.291					
- Thanh lý trong năm	-	-	(1.720.399.181)	-	-	(1.720.399.181)					
31/12/2022	682.981.810.198	88.310.489.012	44.825.980.551	11.969.999.110	271.080.663.354	1.099.168.942.225					
HAO MÒN LŨY KẾ											
01/01/2022	(106.633.411.577)	(53.130.359.593)	(28.340.142.650)	(11.969.999.110)	(86.895.918.334)	(286.969.831.264)					
- Khấu hao trong năm	(16.869.166.584)	(5.678.077.416)	(886.029.228)	-	(11.315.089.109)	(34.748.362.337)					
- Thanh lý trong năm	-	-	1.720.399.181	-	-	1.720.399.181					
31/12/2022	(123.502.578.161)	(58.808.437.009)	(27.505.772.697)	(11.969.999.110)	(98.211.007.443)	(319.997.794.420)					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
01/01/2022	576.348.398.621	35.180.129.419	18.126.922.791	-	184.184.745.020	813.840.195.851					
31/12/2022	559.479.232.037	29.502.052.003	17.320.207.854	-	172.869.655.911	779.171.147.805					

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 794.593.331.424 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 811.532.369.134 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 36.405.302.926 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 34.229.151.187 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2022	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
31/12/2022	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2022	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(174.166.685)	(1.698.850.808)
- Khấu hao trong năm	-	-	(15.833.315)	(15.833.315)
31/12/2022	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(190.000.000)	(1.714.684.123)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2022	-	-	15.833.315	15.833.315
31/12/2022	-	-	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.714.684.123 đồng (tại ngày 01/01/2022 là: 1.524.864.123 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.346.264.686.192	1.887.085.783.528
- Phải trả các bên liên quan	1.039.029.001.002	1.472.222.920.745
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	10.556.372.496	10.724.350.749
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	43.805.924.787	109.112.867.997
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	14.409.161.481	19.584.493.213
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	11.489.200.715	27.131.206.710
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	12.705.766.207	28.639.287.815
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	53.896.860.143	116.648.916.639
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	128.741.245.512	354.526.256.745
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	749.441.859.276	779.621.039.505
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	2.253.865.540	3.998.189.331
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	-	191.266.769
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	3.674.878.000	740.791.606
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Đà	468.033.505	3.874.115.291
- Ucrin		
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	506.349.684	1.127.653.180
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	7.079.483.656	16.302.485.195
- Phải trả các đơn vị khác	307.235.685.190	414.862.862.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	4.978.288.926	4.978.288.926
Công ty Cổ phần Lilama 10	622.095.789	15.824.666.806
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	5.972.530.023	12.058.634.863
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.902.106.100	40.121.413.728
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	47.238.196.184	51.564.196.184
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	-	11.172.058.272
Các đơn vị khác	246.522.468.168	279.143.604.004
Dài hạn	1.063.526.544.282	1.552.386.407.049
- Phải trả các bên liên quan	842.564.150.180	1.290.364.864.495
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.132.672.929	1.107.393.817
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.565.059.291	11.565.059.291
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	75.025.516.802	190.378.138.886
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	36.226.207.266	161.871.309.018
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	158.333.183.117	203.329.705.918
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	132.116.356.661	207.732.116.867
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	211.126.875.591	258.973.079.314
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	364.421.130	1.364.421.130
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	5.134.012.042	4.472.633.265
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	109.561.692.014	111.950.362.461
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Đà	822.909.017	822.909.017
- Ucrin		
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	101.155.244.320	134.238.110.563
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	-	2.559.624.948
- Phải trả các đơn vị khác	220.962.394.102	262.021.542.554
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	46.729.514.664	45.045.055.007
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	15.725.454.718	35.029.214.896
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	25.071.180.927	36.151.223.847
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	64.197.770.402	64.197.770.402
Các đơn vị khác	69.238.473.391	81.598.278.402
Cộng	2.409.791.230.474	3.439.472.190.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
VND	VND	VND	VND
22.962.495	9.985.737.053	9.901.556.785	107.142.763
-	201.952.237.413	162.412.788.881	39.539.448.532
307.423.673	2.127.962.793	1.647.354.553	788.031.913
-	17.640.138.277	17.640.138.277	-
121.385.634	12.000.000	12.000.000	121.385.634
8.494.501	-	-	8.494.501
460.266.303	231.718.075.536	191.613.838.496	40.564.503.343

01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
VND	VND	VND	VND
650.580.760	650.580.760	-	-
11.017.365	-	-	11.017.365
661.598.125	650.580.760	-	11.017.365

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập cá nhân

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	51.474.842.755	46.881.025.516
- Trả trước của các bên liên quan	25.874.411.327	2.958.642.334
Công ty TNHH điện Xekaman 1	2.875.019.166	2.318.558.656
Công ty TNHH điện Xekaman 3	22.359.308.483	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
- Trả trước của các đơn vị khác	25.600.431.428	43.922.383.182
Dài hạn	-	-
Cộng	51.474.842.755	46.881.025.516

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	395.997.782.629	351.011.505.373
- Chi phí lãi vay	14.430.095.032	29.844.256.022
- Chi phí công trình xây dựng	149.836.926.476	153.262.465.950
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	231.730.761.121	167.904.783.401
Dài hạn	-	-
Cộng	395.997.782.629	351.011.505.373

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	31.403.942.179	35.810.930.938
- Doanh thu xây dựng công trình	20.324.472.244	24.926.442.939
- Doanh thu cho thuê văn phòng	11.079.469.935	10.884.487.999
Dài hạn	140.619.193.340	144.454.262.248
- Doanh thu cho thuê văn phòng	140.619.193.340	144.454.262.248
Cộng	172.023.135.519	180.265.193.186

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPNhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**Mẫu số B09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	441.016.649.205	865.202.786.027
- Phải trả các bên liên quan	218.079.832.108	210.612.655.776
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	48.332.970	26.858.664
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	186.086.495.486	185.858.973.659
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	3.005.946.005	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.093.041.764	1.093.041.764
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	168.420.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.515.237.846	4.515.237.846
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	239.088.750	272.532.734
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	18.638.522.016	18.638.522.016
Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	-
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	222.936.817.097	654.590.130.251
Kinh phí công đoàn	480.678.855	549.898.218
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	48.465.212	118.719.063
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.003.547.179	14.137.951.727
Các quỹ tự nguyện	19.197.602.632	20.259.048.446
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ tài chính	129.329.441.542	66.493.389.292
Phải trả về cổ phần hóa	-	901.280.000
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	-	473.711.066.726
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63.877.081.677	78.418.776.779
Dài hạn	581.966.607.950	605.570.164.157
- Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	575.966.607.950	599.570.164.157
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	501.600.910.202	531.947.114.337
Phải trả người ủy thác đầu tư	52.448.100.000	52.448.100.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	21.917.597.748	15.174.949.820
Cộng	1.022.983.257.155	1.470.772.950.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND	
01/01/2021	4.495.371.120.000	14.743.759.363		66.726.109.295	4.576.840.988.658	
- Lãi trong năm trước	-	-		76.768.422.598	76.768.422.598	
- Phân phối lợi nhuận	-	-		(8.296.613.428)	(8.296.613.428)	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-		(8.296.613.428)	(8.296.613.428)	
31/12/2021	4.495.371.120.000	14.743.759.363		135.197.918.465	4.645.312.797.828	
01/01/2022	4.495.371.120.000	14.743.759.363		135.197.918.465	4.645.312.797.828	
- Lãi trong năm nay	-	-		1.220.630.257.464	1.220.630.257.464	
- Phân phối lợi nhuận	-	-		(134.047.333.915)	(134.047.333.915)	
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-		(8.176.942.555)	(8.176.942.555)	
+ Chia cổ tức	-	-		(125.870.391.360)	(125.870.391.360)	
31/12/2022	4.495.371.120.000	14.743.759.363		1.221.780.842.014	5.731.895.721.377	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

21.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
+ Vốn góp cuối năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	125.870.391.360	-

21.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	449.537.112	449.537.112
+ Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
+ Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	617.574.838.246	627.293.619.400
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	139.772.784.857	198.831.590.224
- Doanh thu bán điện	343.329.069.058	323.421.688.734
- Doanh thu cho thuê văn phòng	115.208.645.792	100.120.026.292
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	19.264.338.539	4.920.314.150
Cộng	617.574.838.246	627.293.619.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	148.757.653.511	154.738.534.173
- Giá vốn kinh doanh điện	343.329.069.058	323.421.688.734
- Giá vốn cho thuê văn phòng	77.997.271.035	62.423.815.347
- Giá vốn dịch vụ khác	1.469.326.928	2.733.663.956
Cộng	571.553.320.532	543.317.702.210

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	225.092.071.788	128.907.498.047
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	294.444.058.080	85.815.759.000
- Doanh thu bán cổ phần	3.273.172.128.841	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.079.248	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	33.814.328.873
Cộng	3.792.764.337.957	248.537.585.920

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	105.583.500.221	75.517.700.654
- Chi phí lãi trái phiếu	49.747.359.349	154.039.697.393
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong năm	181.336.428	23.980.748
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	27.895.221.001	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	137.512.637.599	(3.299.024.110)
- Chi phí tài chính khác	1.402.783.755	704.316.124
Cộng	322.322.838.353	226.986.670.809

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.037.457.548.067	(9.908.473.104)
- Chi phí nhân viên quản lý	30.739.737.928	28.401.596.144
- Chi phí vật liệu quản lý	494.053.670	571.003.648
- Chi phí đồ dùng văn phòng	228.470.409	146.360.657
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.837.394.642	3.589.691.370
- Thuế, phí và lệ phí	2.528.232.833	1.853.976.946
- Chi phí dự phòng	1.864.166.315.061	(59.164.438.744)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.915.785.312	3.998.952.722
- Chi phí bằng tiền khác	130.547.558.212	10.694.384.153
Cộng	2.037.457.548.067	(9.908.473.104)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	428.540.067	-
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	278.763.086	1.538.496.129
- Các khoản khác	51.200.215	192.876.729
	758.503.368	1.731.372.858

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Phạt chậm nộp thuế	-	105.583.953
- Chậm nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	65.236.168.265	40.146.041.595
- Các khoản bị phạt	1.660.007	-
- Các khoản chi phí khác	8.353	79.293.143
	65.237.836.625	40.330.918.691

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.414.526.135.994	76.768.422.598
Các khoản chi phí không được trừ	448.247.216.356	69.551.991.843
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	294.444.058.080	85.815.759.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	294.444.058.080	85.815.759.000
Các khoản điều chỉnh tăng chi phí được trừ	70.502.660.243	-
- Lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP đã bị loại các năm 2019, 2020, 2021.	70.502.660.243	-
Chuyển lỗ từ các năm trước	488.065.446.960	60.504.655.441
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.009.761.187.067	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	201.952.237.413	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	201.952.237.413	-

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	40.281.794.416	-
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8.056.358.883	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***31. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi cho vay nhập gốc	55.957.808.469	62.989.204.595
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	83.252.624.610	10.010.859.897
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	-	439.198.870.000

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**33.1 THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện thương phẩm;
- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng công trình;
- Lĩnh vực khác: Dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa,...

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng công ty.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Chi tiêu	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2022				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	139.772.784.857	343.329.069.058	134.472.984.331	617.574.838.246
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.772.784.857	343.329.069.058	134.472.984.331	617.574.838.246
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.984.868.654)	-	55.006.386.368	46.021.517.714
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.037.457.548.067)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.991.436.030.353)
Doanh thu hoạt động tài chính				3.792.764.337.957
Chi phí tài chính				(322.322.838.353)
Thu nhập khác				758.503.368
Chi phí khác				(65.237.836.625)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(201.952.237.413)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				8.056.358.883
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp				1.220.630.257.464
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			79.314.291	79.314.291
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.837.394.652		84.817.422.559	87.654.817.211
Năm 2021				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	198.764.253.250	323.421.688.734	105.040.340.442	627.226.282.426
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.764.253.250	323.421.688.734	105.040.340.442	627.226.282.426
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.025.719.077	-	39.882.861.139	83.908.580.216
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(9.908.473.104)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi tiêu	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				93.817.053.320
Doanh thu hoạt động tài chính				248.537.585.920
Chi phí tài chính				(226.986.670.809)
Thu nhập khác				1.731.372.858
Chi phí khác				(40.330.918.691)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp				76.768.422.598
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	354.321.227	354.321.227
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.589.691.380	-	39.428.597.382	43.018.288.762

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

TÀI SẢN	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số tại 31/12/2022				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	960.849.970.132	53.531.533.656	769.298.784.913	1.783.680.288.701
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				11.436.326.180.006
Tổng tài sản	6.201.921.440.093	749.441.859.276	203.944.280.446	7.155.307.579.815
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				332.803.167.515
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.488.110.747.330
Số tại 31/12/2021				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.066.645.602.505	30.343.294.507	995.222.067.723	4.092.210.964.735
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				10.335.770.819.870
Tổng tài sản	8.084.896.808.092	779.621.039.505	209.578.094.733	9.074.095.942.330
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				708.573.044.447
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				9.782.668.986.777

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

33.2 THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Khu vực trong nước	602.756.251.478	583.952.692.738
Khu vực nước ngoài	14.818.586.768	43.273.589.688
Cộng	617.574.838.246	627.226.282.426

34. THÔNG TIN KHÁC**34.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	204.232,14	86.667,70
Euro (EUR)	-	0,01
Yên Nhật (¥)	-	6,00

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</i>			
Tên	Chức vụ		
- Hội đồng quản trị và ban	Tổng giám đốc	5.560.352.151	3.806.663.442
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	970.048.702	674.690.436
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	837.159.714	555.954.286
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	681.639.840	500.516.000
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	858.078.497	590.176.000
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	890.163.033	590.176.000
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	665.562.262	392.432.625
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	-	181.038.095
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	657.700.103	321.680.000
- Ban kiểm soát		941.526.240	396.061.913
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	941.526.240	396.061.913
		6.501.878.391	4.202.725.355

34.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tổng Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

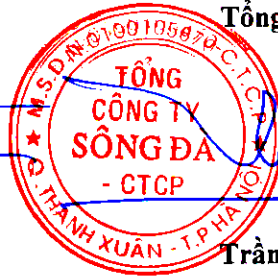
Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
V/v: thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp năm 2020.
 - Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.
 - Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.
- Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà – CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

1. Cơ sở pháp lý thực hiện phân phối lợi nhuận:

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 qui định về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

“1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:

a. Lợi nhuận thực hiện bằng kế hoạch thì quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

b. Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì ngoài trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại điểm a nêu trên, công ty được trích thêm bằng 20% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.

2. Quỹ thưởng của người quản lý công ty:

a. Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.

b. Lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách”.

- Văn bản số 2206/ĐTKDV-ĐT2 ngày 24/11/2022 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hướng dẫn một số nội dung trong ĐHĐCĐ 2023.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Căn cứ kết quả lợi nhuận năm 2022 hoàn thành vượt mức kế hoạch, do đó việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 nêu trên.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế	1.220.630.257.464
2	Phương án phân phối lợi nhuận	1.220.630.257.464
3	Trích lập các quỹ	546.000.375.000
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển	530.000.000.000
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	15.276.000.000
-	Trích 3 tháng lương theo quy định	7.638.000.000
-	Trích bổ sung 3 tháng lương do lợi nhuận vượt kế hoạch	7.638.000.000
c	Trích quỹ thưởng người quản lý	724.375.000
-	Trích 1,5 tháng lương theo quy định	724.375.000
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ năm 2022 (=2-3)	674.629.882.464
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2021	5.426.990.800
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ (4+5)	680.056.873.264
7	Chia cổ tức bằng tiền	449.537.112.000
8	Tỷ lệ cổ tức	10%
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (6-7)	230.519.761.264

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Dũng

Số: 06/TCT-BKS

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2023



TỜ TRÌNH CỦA BKS TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ:

- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014;
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP;
- Quyết định số 74/TCT-HĐQT ngày 31/5/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà-CTCP về việc phê duyệt và ban hành quy định về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính;
- Các Quyết định của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;

Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng báo cáo và tiến độ công khai báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Sông Đà - CTCP thông qua:

1. Danh sách 03 (ba) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

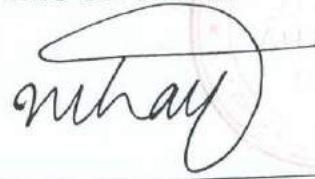
2. Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán thuộc danh sách trên được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV BKS;
- Lưu: VP TCT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



A handwritten signature in black ink, appearing to read 'nhay', is written over a faint circular red stamp. The stamp contains some illegible text and a central emblem.

Nguyễn Văn Thắng

Số 07/TCT - HĐQT

V/v: Nhân sự HĐQT, BKS
Tổng công ty Sông Đà - CTCP
nhiệm kỳ 2023 - 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Về nội dung kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty Sông Đà - CTCP, cổ đông sở hữu 99,79% vốn điều lệ của Tổng công ty Sông Đà - CTCP đã có ý kiến tại Văn bản số 1151/ĐTKDV-ĐT2 ngày 01/6/2023.

Theo đó, SCIC giới thiệu, đề cử để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP bầu các ông/bà có tên dưới đây tham gia Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028 với các nội dung sau:

I. Nhân sự Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028:

1. Giới thiệu đề cử, bầu ông Trần Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028.

2. Giới thiệu đề cử, bầu ông Trần Anh Đức - Tổng giám đốc SUDICO, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 5 giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028.

3. Giới thiệu đề cử, bầu ông Đặng Quốc Bảo - Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 6 giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028.

4. Giới thiệu đề cử, bầu ông Nguyễn Anh Tùng - Trưởng Ban Đầu tư 2 Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028 (kiêm nhiệm).

5. Giới thiệu đề cử, bầu ông Nguyễn Tiến Dũng - Phó Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028 (kiêm nhiệm).

II. Nhân sự Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 - 2028:

1. Giới thiệu đề cử, bầu ông Nguyễn Văn Thắng - Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023-2028.

2. Giới thiệu đề cử, bầu ông Hà Tuấn Linh - Chánh Văn phòng Tổng công ty Sông Đà - CTCP giữ chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023-2028 (kiêm nhiệm).

3. Giới thiệu đề cử, bầu ông Tống Quang Vinh - Chuyên viên Ban Đầu tư 2 Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước giữ chức danh giữ chức danh Thành viên Ban Kiểm soát Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023-2028 (kiêm nhiệm).

Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP báo cáo, gửi kèm theo các hồ sơ liên quan của các ứng cử viên, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Sông Đà - CTCP xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS TCT;
- Lưu: VP, TCNS TCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Dũng